

VỀ DI SẢN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRÊN VÙNG ĐẤT CỔ CAO BẰNG

PHÙNG CHÍ KIẾN - QUỲNH CHÂU

Những ngọn núi lô xô như cung bậc của đất trời, tạo nên thế động trong tĩnh, mà dệt thành miền đất thánh thiện. Nơi ấy, đất Cao Bằng “gạo trắng nước trong”, một lòng chảo với dòng Bằng Giang trong xanh đã ghi lại biết bao sự kiện lịch sử- văn hóa của cha ông ta thuở trước.

Người miền xuôi chưa đến Cao Bằng, đôi khi cho rằng, xung quanh thị xã là cả một không gian âm u của núi rừng. Song, đã từ lâu, Cao Bằng là một địa điểm chiến lược trên bước đường lịch sử của dân tộc ta. Truyền thuyết địa phương đã chỉ ra rằng, ngay từ đời Thục An Dương Vương, trước khi lập quốc và đóng đô tại Cổ Loa, thì nhà vua đã dừng lại đây, coi như một bàn đạp để tỏa xuống miền đồng bằng. Dấu tích của vua Thục hiện còn để lại là những đoạn thành đất ở phủ Cao Bình. Sự thêu dệt của hậu thế coi như đây là dấu tích của một kinh đô đã hơn 2000 năm tuổi, có cả đầm sen rất rộng lớn ở phía trước, rồi vườn thượng uyển... Vài cuộc thăm dò khảo cổ học tuy chưa đưa ra được những kết luận chắc chắn, nhưng dấu tích văn hóa đó đã đóng dấu vào tâm hồn nhân dân địa phương, rằng nơi đây không còn là mảnh đất hoang sơ từ mấy ngàn năm về trước. Truyền thuyết còn cho biết, ngôi thành này cũng đã được Cao Biền sử dụng như một li sở của chính quyền

phương Bắc. Rõ ràng, ở nơi đây, thiên nhiên đã ban cho một thung lũng lòng chảo rất lớn, là nơi sinh tụ của đông đảo cư dân, với một thế phong thủy đủ sức để kết tụ tâm linh con người. Trên những dãy núi ở xa nơi đầu nguồn của Bằng Giang, đột ngột nổi lên một quả núi hình nón úp, được người dân gọi là “Khu Khẩu”, nghĩa là núi Thóc, đó là hòn núi chủ của cả vùng này, được coi như nguồn gốc của những mùa lúa bội thu, bởi nó luôn hút sinh lực của trời làm đất đai màu mỡ để muôn loài sinh sôi. Ở nơi đó, cũng đã làm nảy sinh câu chuyện về cặp uyên ương khởi nguyên, với thân hình khổng lồ, phảng phất như cặp uyên ương của loài người sau trận đại hồng thủy thần thoại và phần nào có nét tương đồng với ông Đùng, bà Đà mà hiện nay vẫn được tạo hình to lớn trong các lễ hội của vùng Thái Bình, Hưng Yên.

Cao Bằng là một vùng địa đầu của tổ quốc, kẻ xâm lược phương Bắc thường qua đây để thâm nhập vào các lãnh thổ nước ta. Cho nên, sau thời kỳ Bắc thuộc, ý thức bảo vệ đất đai đã phần nào được chứng minh qua cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao, mà hiện nay, dấu vết thành Nà Lữ của ông (sau này nhà hậu Mạc sử dụng lại) ít nhiều vẫn hiện diện trên thực tế. Sự kiện này khiến chúng ta nghĩ tới những chiến công to lớn của vị anh hùng tộc người thiểu số khi đem quân

sang thâm nhập vào miền đất của người phương Bắc, góp phần làm kiệt quệ ý chí của quân xâm lược (Tống). Tới thời Trần, chúng ta đã tìm được rất nhiều di tích nằm ở vùng biên viễn mang tư cách những tiền đồn để canh phòng bước đi của giặc Nguyên Mông. Những tiền đồn đó thường ở trên núi cao, mà dấu vết có cả ở Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Tử (Quảng Ninh), Hương Sơn (Hà Tĩnh)... Hầu như, sau đó các tiền đồn này đều chuyển hóa thành các ngôi chùa, có thể tin ở Cao Bằng dạng tiền đồn ấy là tiền thân của ngôi chùa Sùng Phúc, trên núi Pò Kiền, huyện Hạ Lang giáp biên giới hiện nay. Ý thức bảo vệ tổ quốc trước nguy cơ xâm lược của người phương Bắc luôn được mọi thời quan tâm, thì ở thời Lê sơ, con đường tiến lên biên viễn đã được Lê Lợi quan tâm đặc biệt và để lại dấu vết vật chất cụ thể. Hiện nay, chúng ta đã tìm được bia ma nhai của Lê Lợi tại Hòa Bình và Sơn La, tạc năm 1431. Cũng dịp này, để giữ yên vùng biên giới, thống nhất về một mối với triều đình, Lê Lợi đã đem quân dẹp yên sự nổi loạn của Bé Khắc Thiệu. Thực chất, đây cũng còn là một động thái để góp phần bảo vệ sự tồn vinh quốc gia nhằm đối phó với quân xâm lược phương Bắc. Sự kiện này đã thể hiện qua tấm bia ma nhai ở vùng này. Theo hồ sơ do Hà Thị Quyết viết: "Sự kiện vua Lê Thái Tổ lên Cao Bằng dẹp Bé Khắc Thiệu năm 1430, được khắc thành bài thơ tác trên vách núi Phja Tém¹ (núi Ba Điểm), thuộc thôn Áng Giàng, xã Bình Long, huyện Hòa An. Nội dung bài thơ như sau:

Bát từ vạn lý chinh sư đồ

Duy dục biên phương xích từ tô

Thiên địa bất dung

gian đảng tại

Cổ kim thù xã bạn thân tru
Trung lương tự khả ụng đa phúc
Bạo bội trung nan bảo nhất khu
Đái lệ bất di thần tử tiết
Doanh thù vạn cổ dữ sơn câu...

... Năm Ất Sửu (1865), đời vua Tự Đức thứ 18, khi biên soạn cuốn *Đại Nam nhất thống chí*, phần viết về Cao Bằng có giới thiệu bài thơ "Ngự chế" của vua Lê Thái Tổ, được dịch theo thể thơ lục bát như sau:

Đem quân chẳng ngại đường xa
Muốn yên trăm họ mới ra biên thù
Bọn tà trời có dung chi
Xưa nay ai có tha gì kẻ gian
Hiền lương hưởng phúc chứa chan
Những phường bội nghịch khó toàn được thân

Đá đai ghi tiết trung thân

Tiếng tăm cùng với muôn xuân đội truyền".

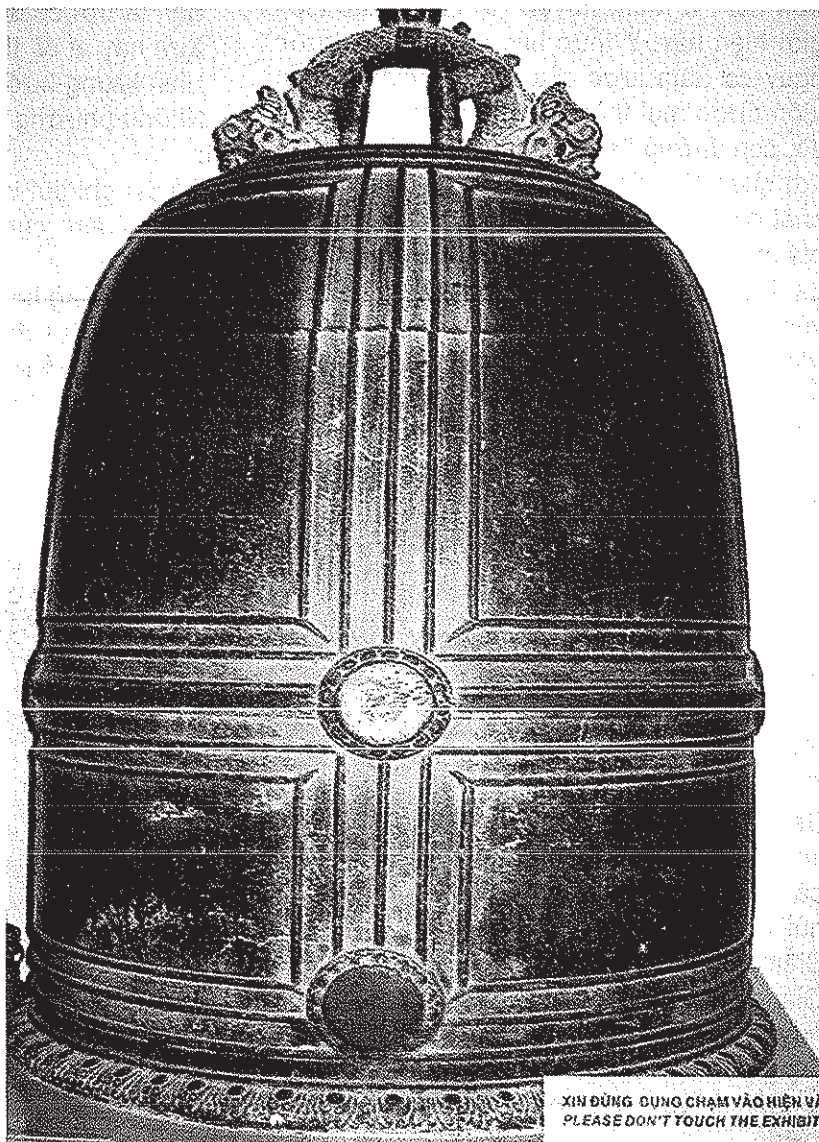
Cuộc khủng hoảng thượng tầng xã hội ở cuối thế kỷ XVI đã đẩy con cháu nhà Mạc lên đất Cao Bằng. Từ đây, mảnh đất này được khai phá và xây dựng dưới một xu thế



Rồng dớp quả lồi, chuông Đà Quận, Cao Bằng - Ảnh: Trần Lâm

mới, nền kinh tế khu vực phát triển, đặc biệt là với thương mại. Sự liên hệ với các vùng xuôi, nhất là Hải Phòng, Hải Dương - quê hương nhà Mạc vẫn khá chặt chẽ. Và, trong tinh thần ấy, việc xây dựng những dinh thự của nhà hậu Mạc cùng những kiến trúc tôn giáo đã xuất hiện trên một vùng rộng lớn... Người ta đã tìm thấy ở vùng này gạch hòm sớ của nhà Mạc rải rác khắp nơi, như tại thị xã Cao Bằng, ở huyện Cao Bình, chùa Đống Lân, thành Nà Lữ và nhiều địa điểm khác... Loại gạch này đã được sản xuất tại chỗ, bởi chúng ta đã tìm được những lò nung cụ thể, như ở khu vực thành Nà Lữ. Phần nhiều, đây là những lò đứng, ngấp sâu dưới lòng đất, được thiết kế chỉ để lộ một phần đỉnh lò trên mặt đất. Hình thức của các lò thường tròn, theo kiểu thượng thu hạ thác, xung quanh lò có khoảng không ngăn cách giữa thân lò và đất bao quanh nhằm tạo cho luồng không khí trước khi đi vào cửa lò được nung nóng ở một nhiệt độ nhất định, đồng thời giữ và nâng cao nhiệt độ trong lò lên rất cao, khiến cho những viên gạch có kích thước lớn, khoảng (40cm x 15cm), được nung chín đến tận ruột (lò này đã đi theo vết chân của nhà Mạc, cũng còn để lại dấu ấn ở một số địa điểm khác, như tại thôn Ma Nhang, Chi Lăng, Lạng Sơn)... Thật ra, loại gạch này ở nước ta đã xuất hiện từ thời

Lê sơ và tồn tại phổ biến đến tận thế kỷ XVII, mà giai đoạn phát triển đến đỉnh cao có lẽ vào thời Mạc. Ngoài những dấu tích văn hóa vật thể như nêu trên, thì ở chùa Đà Quận, xã Hưng Đạo, huyện Hòa An còn giữ được hai quả đại hồng chung, được làm năm Tân Hợi, Can Thống thứ 15 (năm 1611)... Trong hệ thống chuông hiện còn của chúng ta tới nay, thì quả chuông sớm nhất là của chùa Vân Bản (Hải Phòng) - nay là hiện vật của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, một quả chuông khác của thời Mạc (thế kỷ



XIN ĐỪNG DÙNG CHẠM VÀO HIỆN VẬT
PLEASE DON'T TOUCH THE EXHIBITS

Chuông Vân Bản (Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam) -

Ảnh: Tư liệu

XVI), hiện đặt tại chùa Chân Tiên - số 141 Bà Triệu, Hà Nội. Như vậy, chuông Đà Quận là một đại hồng chung đứng thứ 3 hoặc thứ tư trong hệ thống chuông có niên đại sớm hiện còn ở nước ta. Quả chuông kế sau chuông thời Mạc là chuông chùa Mui (Hưng Thánh quán), Hà Nội, có niên đại năm 1613, rồi chuông chùa Đại Phúc (Ngãi Cầu, Hoài Đức, Hà Nội) - năm 1619... Tất cả những quả chuông từ 20 năm đầu thế kỷ XVII trở về trước, kể cả chuông Đà Quận đều được thể hiện dưới một dạng theo kiểu thượng thu hạ thách, vai khum, viền thành miệng dày, tiếng kêu ấm, trầm, gần như khác về hình dạng với những chuông thời sau. Như vậy, chỉ với niên đại này, một giá trị đặc biệt gắn với truyền thống đúc đồng Việt đã được dành cho chuông Đà Quận. Kết cấu của hai quả chuông này như sau:

Cù lao của chuông là một đôi rồng chung thân, hai đầu chạy sang hai bên, cùng cắn xuống nửa quả lồi chìm một nửa trên đỉnh chuông. Thân rồng đồng thời là quai để treo chuông, ở phía trên chính giữa có thể là một hình nậm, mà phần cổ đã bị mất, chỉ còn phần bầu, được chia thành 6 múi. Hiện tượng này cũng tương đồng với chuông cùng thời ở chùa Mui, Thường Tín, Hà Nội. Nhiều người cho rằng, đó là hình tượng của lọ nước cam lồ. Về hình thức mà nói, rồng quai chuông của chùa Đà Quận không khác chuông chùa Vân Bản của thời Trần hay chùa Mui và chùa Đại Phúc của Hà Tây cũ. Ở đây, rồng vẫn còn mang phong cách ít nhiều kế thừa của thời Lý, Trần. Nếu như rồng thời Lý và đầu thời Trần đã có mào thì không có mũi, nhưng bắt đầu từ thời Mạc, chiếc mũi sư tử đã nảy sinh, chiếc mào đã ngấn lại. Sóng mào của chuông thời Trần còn tạo nên nhiều khúc thất túi thì ở đây chỉ còn là một sóng lượn nhẹ. Đặc điểm của rồng này có mắt hình giọt lệ, đường mi viền kép, lông mày vẫn là hình số 3 ngựa, gần gũi với thời Trần. Rồng há miệng lớn, trong tư thế cúi xuống, thể hiện rõ răng cắn vào quả lồi. Mang và thân đều chạm vẩy kép. Rồng Đà Quận vẫn còn giữ được tóc chải, nhưng ngắn. Hai chân rồng khuyñh sang hai

bên bầu xuống đỉnh chuông cũng như mọi quả chuông khác. Một đặc điểm riêng ở đây là, độ cao của quai chuông tương đối hạn chế so với toàn bộ cục. Một chi tiết khác là, hầu như tất cả các chuông ở miền xuôi, từ chuông Vân Bản trở về sau, đều trong tư thế đầu rồng ngóc lên, tỉ cổ xuống đỉnh chuông (làm điểm nối kết) thì ở đây, phần nối kết đó lại là miệng rồng cắn vào quả nôi. Ít nhiều chúng ta như có cảm giác, hình thức này gần gũi với con Sờng của một số tộc người thiểu số, nhất là người Mường. Hoặc bố cục này cũng tương đồng như ở trên chuông Thanh Mai (Hà Đông cũ), được làm vào năm 798. Có lẽ, với hình thức đó mà quai chuông không cần độ cao như các chuông miền xuôi. Có thể nói rằng, đây là một sáng tạo về nghệ thuật tạo hình của nhà Mạc tại đất Cao Bằng. Tuy nhiên, về ý nghĩa, người ta vẫn thấy được những con rồng này là một sự đối đãi chặt chẽ của âm dương. Ngoài ra, bóng dáng của con rồng vẫn như biểu tượng cho nguồn nước trong ý thức cầu mưa thuận gió hòa dưới sự chiếu diếu của Phật Pháp vô biên. Một ý nghĩa khác mà người dân Đà Quận vẫn truyền lại là, hai quả chuông này kêu rất to bởi trước đây được gõ bằng chày hình cá. Nhận thức này khiến chúng ta nhớ tới một huyền thoại cho rằng, Bò Lao là một loại rồng, theo "Lưỡng kinh phú", thì Bò Lao rất sợ cá kính, khi gặp con cá lớn này, Bò Lao sợ mà thét to lên, vì thế quai chuông làm thành hình Bò Lao, chày gõ hình cá kính, để khi đánh chuông là biểu hiện cá kính lao tới, khiến bò lao sợ, đó là ước vọng của cư dân nơi đây để tiếng chuông kêu to và vang xa, đem khí thiêng đến muôn nhà trong một vùng rộng lớn của lòng chảo Cao Bình. Thực ra, đứng ở mặt kết cấu, ngoài bò lao thì quả chuông này có bố cục tương đồng như chuông chùa Vân Bản và chuông chùa Mui, với hai phần, thân trên cao hơn thân dưới, đều chia bốn ô, với 6 núm, ở phần ngăn cách giữa hai phần là 4 núm, ở phần dưới 2 núm. Người ta gõ vào 4 núm trên theo các mùa xuân, hạ, thu, đông. Song để phân định rõ rệt thì ở phần dưới có hai núm để xác định vào xuân, thu. Đương

nhien treo chuông cũng phải theo hướng, như quả Li hướng về phía Nam thì núm kép của chuông cũng hướng về phía Nam để tượng cho mùa xuân. Bao quanh các núm chuông này là 12 cánh sen (ở chuông thời Trần là 16 cánh, chuông chùa Mui không có cánh sen), trong chừng mực nào đó, hoa sen là biểu tượng của hạnh phúc no đủ, gõ vào núm chuông là gõ vào hoa sen, như một lời cầu nguyện với thần linh ban cho phúc lành. Trong một sự đối sánh khác, chúng ta có thể thấy được, chuông Đà Quận kêu vang xa hơn trong khi các chuông trước và cùng thời ở miền xuôi lại kêu trầm âm hơn, có lẽ vì vành chuông Đà Quận không mở rộng và không dày bằng chuông ở miền xuôi, đồng thời để trơn.

Về kích thước, trong các chuông còn tồn tại, tới tận nửa đầu thế kỷ XVII, hai quả chuông Đà Quận được coi như to hơn cả, quả chuông lớn có độ cao 1,75m, đường kính miệng 1,07m; quả nhỏ cao 1,55m, đường kính miệng 0,95m. Đây là hai quả chuông rất quý trong hệ pháp khí Phật giáo Việt Nam. Nhìn chung, nó vẫn nằm trong dòng chảy của dòng văn hóa dân tộc thống nhất. Hiện nay, chữ trên chuông đã bị mờ, song may mắn là TS. Cung Khắc Lược và cố PGS. Chu Quang Trứ trước đây đã đọc được một phần bài minh trên quả chuông nhỏ. Các ông tạm dịch như sau: "Văn khắc trên chuông chùa Viên Minh. Lời tán rằng: Trời mở Nam Việt, Đất lập Cao Bằng. Ở giữa Bán Phủ, Vững đất thành vua. Thạch Châu kiên cố, Đà Quận đất thiêng. Non xanh nước biếc, Sông Mãng uốn quanh. Cổ danh thảng tích, Chùa gọi Viên Minh. Ché đồng đúc đá, Sóng cùng trời trắng. Chuông treo

lâu gác, Chuông đặt trong sảnh. Gió thổi vang vang, Tiếng ngọc rung rinh. Chuông động vàng nguyệt, Mỗ động gió âm. Đền thần đối diện, Cung điện chênh vênh. Giờ giấc sớm tối, Tiếng chuông ư huyền. Thế tình biến đổi, Người Vật nảy sinh. Nhân do... Ra sức sửa trị. Giúp Thánh chúa Mạc, Tôi hiền phù vân. Chuông đồng bia đá, Chùa Phật lớn lao. Đón thợ xây dựng, Giữ mãi hình Phật. Đứng hạn hoàn thành, Hội chủ báo công. Lòng thành trọn vẹn, Gần xa biết tiếng. Âm công rạng tỏ, Dương báo về vang!...".

Hai ông cũng cho rằng, quả chuông khắc bài minh này là của chùa Viên Minh - Đà Quận, còn quả chuông kia có thể từ chùa Đống Lân chuyển về (?).

Từ xưa, hai quả chuông này ngoài ý nghĩa gắn với ngôi chùa còn như "tiếng gọi" khẳng định chủ quyền ở vùng biên giới. Nhìn chung, các di sản văn hóa vật thể ở Cao Bằng đã cùng chung một mạch chảy của văn hóa dân tộc. Đó là một điểm sáng của truyền thống ông cha, đòi hỏi chúng ta cần phải luôn có ý thức đề cao và bảo tồn để làm bài học cho muôn đời sau./.

D.C.K - M.C

Chú thích:

1- Đây là một ngọn núi đá cao, đứng độc lập. Ngay trước mặt là con sông Dê Rào - một nhánh của sông Bằng Giang, bên kia sông Dê Rào là dãy núi Lũng Hoàng, với di tích thành nhà Mạc. Bia khắc trên vách đá với độ cao 10m so với mặt đất, mặt bia không có độ phẳng, không có diềm trang trí, diện tích khắc là 1,5m x 0.7cm.

PHÙNG CHÍ KIẾN - QUỲNH CHÂU: ON THE TRADITIONAL CULTURE IN THE ANCIENT LAND OF CAO BẰNG

To generalize some basic characteristics on the cultural heritage of Cao Bằng - the place of not only neglected area but also a historical landmark with many events relevant to king Thục An Dương Vương, with the attitude to protect the border of dynasties Trần, early-Lê and the building of post-Mạc etc. This is the land of many remarkable folk stories.